TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 4 - 2020
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mạc Hoàng Nhủ.

Ông Lê Minh Luân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 410/2020/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 12 năm 2019, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1985 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện P, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Bà Võ Thu H, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp R, xã R1, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/12/2019 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn L trình bày:

Về hôn nhân, vào năm 2008 ông (Nguyễn Văn L) và bà Võ Thu H chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R1, huyện P, tỉnh C ngày 26/5/2008. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, tuy nhiên sau quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không thể tiếp tục cuộc sống chung. Bà H tự ý bỏ nhà đi, cả hai không còn sống chung với nhau khoảng 10 năm

mà không thể tự hòa giải, hàn gắn. Ông nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với bà Võ Thu H. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Võ Thu H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp lời khai chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn L yêu cầu ly hôn với bà Võ Thu H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Võ Thu H vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bà Võ Thu H.

[2]. Xét về hôn nhân, ông Nguyễn Văn L và bà Võ Thu H chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R1, huyện P, tỉnh C, được chứng nhận kết hôn vào ngày 26/5/2008. Việc kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn L và bà Võ Thu H được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, ông Nguyễn Văn L xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cụ thể là quá trình ra ở riêng do không đồng ý việc bà H thường xuyên về nhà cha mẹ ruột chơi, ông có nhắc nhỡ nhiều lần thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà H tự ý bỏ nhà đi, cả hai không còn sống chung với nhau khoảng hơn 10 năm nay mà không thể tự hòa giải, hàn gắn và tiếp tục cuộc sống chung. Ông Nguyễn Văn L nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với bà Võ Thu H. Bà Võ Thu H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ cho Tòa án xem xét, cho thấy bà Võ Thu H không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn L và bà Võ Thu H đã và đang trầm trọng, ông Nguyễn Văn L cương quyết yêu cầu ly hôn. Do đó, việc ông Nguyễn Văn L yêu cầu ly hôn với bà Võ Thu H là có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn L xác định không có đồng thời không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Nguyễn Văn L phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho ông Nguyễn Văn L ly hôn với bà Võ Thu H.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn L xác định không có nên không đặt ra xem xét.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Nguyễn Văn L đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019683, ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- UBND xã R1, huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Phước